

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 6 - 2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Chương;

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 126/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 44/2023/QĐST-HPT ngày 19-5-2023 và quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 09/2023/QĐ-TĐNTT ngày 22-5-2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu B, sinh năm 1984 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường B, phường 10, thành phố V, tỉnh B

Bị đơn: Ông Lê Khắc P, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường S, phường 11, thành phố V, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Thu B trình bày:*

Bà và ông Lê Khắc P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, đến năm 2013, vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Đ. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc hoặc lừa dối. Bà và ông P có 02 con chung tên Lê Thị Trúc Q, sinh ngày 01-12-2000 và Lê Khắc Th, sinh ngày

06-4-2012.

Trong suốt quá trình chung sống với ông P, bà không thấy hạnh phúc vì ông P thường xuyên uống rượu, chửi bới và đánh đập bà nhiều lần, ông P đã có lần đuổi bà ra khỏi nhà nhưng bà vì con nên nhẫn nhịn. Khi bà sống ly thân ông P, bà thuê phòng ở riêng thì ông P có tìm đến tận phòng trọ của bà để chửi bới, đập phá đồ đạc và dùng dao đe dọa bà khiến tinh thần bà hoảng loạn. Nay, bà thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc vì vậy bà làm đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Khắc P.

Về con chung: Bà và ông P có 02 con chung tên Lê Thị Trúc Q, sinh ngày 01-12-2000 và Lê Khắc Th, sinh ngày 06-4-2012. Đối với cháu Q đã trưởng thành, bà không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Th, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Th và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 29-3-2023, ông Lê Khắc P trình bày:

Ông và bà B sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, đến năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Đ. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc hoặc lừa dối. Ông và bà B có 02 con chung tên Lê Thị Trúc Q, sinh ngày 01-12-2000 và Lê Khắc Th, sinh ngày 06-4-2012.

Ông xác nhận giữa ông và bà B phát sinh mâu thuẫn là từ tháng 10-2022 cho đến nay, khi vợ chồng xảy ra cãi vã, bà B và cháu Th chuyển ra ngoài sinh sống, ông vẫn qua lại thăm bà B và cháu Th, ông có tìm cách hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà B, ông có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà B;

Về con chung: Ông xác nhận ông và bà B có 02 con chung tên Lê Thị Trúc Q, sinh ngày 01-12-2000 và Lê Khắc Th, sinh ngày 06-4-2012. Cháu Q đã trưởng thành, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với cháu T, ông không đồng ý để bà B là người trực tiếp nuôi dưỡng, ông yêu cầu tòa là ông được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi cháu Th.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến: Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, nhận thấy mâu thuẫn giữa bà B và ông P là có thật, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng có thời gian ly thân từ tháng 10-2022 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt; nguyên đơn yêu cầu ly hôn và bị đơn cũng đồng ý ly hôn nên có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phan Thị Thu B yêu cầu được ly hôn với ông Lê Khắc P, ông P cư trú tại thành phố V nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa thì thấy:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

Bị đơn ông Lê Khắc P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79/2013, quyền số 01/2013 ngày 16-7-2013 nên hôn nhân là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B cương quyết yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân giữa bà và ông P không thể kéo dài, thời gian ly thân, vợ chồng tìm cách hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả. Bà B yêu cầu ly hôn là ông P cũng đồng ý. Vì vậy, Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[2.2] Về con chung: Bà Phan Thị Thu B và ông Lê Khắc P cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung Lê Thị Trúc Q, sinh ngày 01-12-2000 và Lê Khắc Th, sinh ngày 06-4-2012. Cháu Q đã trưởng thành, tòa án không xem xét giải quyết.

Đối với con chung Lê Khắc Th: Theo kết quả xác minh tại địa phương, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, cháu Th được bà B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hơn nữa cháu Th có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, để tránh bị xáo trộn và nhằm đảm bảo sự phát triển về thể chất, tinh thần tốt nhất cho cháu Th, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Lê Khắc Th cho bà Phan Thị Thu B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Thu B phải nộp

300.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2, 3 Điều 36 điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu B đối với ông Lê Khắc P.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thu B được ly hôn với ông Lê Khắc P

[2]. Về con chung: Bà Phan Thị Thu B và ông Lê Khắc P cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Trúc Q, sinh ngày 01-12-2000 và Lê Khắc Th, sinh ngày 06-4-2012. Cháu Q đã trưởng thành, tòa án không xem xét giải quyết.

Bà Phan Thị Thu B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Khắc Th, sinh ngày 06-4-2012. Ông Lê Khắc P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Ph được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết nên tòa án không xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Thu B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003927 ngày 07-3-2023 của Chi cục Thi hành dân sự thành phố V. Bà B đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án

dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND tỉnh Bà Rịa- V;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngát

